TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **44** /2019/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 18 /2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nghiêm Văn V, sinh năm 1948

Địa chỉ: Xóm H, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1955

Địa chỉ: Xóm H, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nghiêm Văn V. và bà Bùi Thị M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Nghiêm Văn V. và bà Bùi Thị M. có 01 con chung là Nghiêm Thu H, sinh ngày 10/02/1995. Cháu H. đã trưởng thành các đương sự không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung:

+ Bà Bùi Thị M. được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 374,6 m^2 đất ở nông thôn tại thửa số 105, tờ bản đồ số 53 và tài sản gắn liền với đất là 01 (một) nhà xây 2 tầng mái bằng lợp tôn chống nóng, tường 20 xây gạch chỉ tại thôn H, xã L, thành phố T. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng số BN 389570 do Uỷ ban nhân dân thành phố Tuyên Quang cấp ngày 22/8/2013 đứng tên bà Bùi Thị M. Trị giá tài sản nhà và đất là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng)

+ Ông Nghiêm Văn V. được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 585,6 m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa số 112 tại thôn H, xã L, thành phố T có các cạnh tiếp giáp: Phía bắc giáp đất nhà bà B, phía tây giáp đường bê tông liên thôn, phía đông giáp đồi chè, phía nam giáp khu dân cư. Đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Trị giá thửa đất là 17.560.000 đồng (mười bẩy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Ông Nghiêm Văn V. và bà Bùi Thị M. có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và ông V. phải chịu nghĩa vụ tài chính với nhà nước (nếu có) về quyền sử dụng đất đối với thửa đất ông V. được sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Về công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

- Về án phí:

Ông Nghiêm Văn V. được miễn nộp số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 439.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch; bà Bùi Thị M. được miễn nộp số tiền 16.250.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- TAND tỉnh TQ;
- VKSND thành phố TQ (2 bản);
- THADS thành phố TQ (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L, thành phố T. (để biết);
- UBND xã M, huyện Y. (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến